**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BÌNH SƠN**
**TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2021/QĐST – HNGĐ

*Bình Sơn, ngày 02 tháng 7 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 263/2021/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1/** Anh Võ Tấn N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

**2 /**Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Võ Tấn N và Chị Nguyễn Thị Th qua quá trình tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ngày 23/02/2018. Sau khi kết hôn sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn với lý do vợ chồng không cùng tiếng nói chung, quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau làm cho cả hai rất mệt mỏi và anh, chị quyết định sống ly thân với nhau cho đến nay được một năm, anh N sống với cha mẹ anh tại xã B, còn chị Th cùng với con sống với cha mẹ chị ở xã B. Trong quá trình sống ly thân, anh chị được hai bên gia đình hòa giải, động viên, cả hai cũng đã cố gắng để hàn gắn nhưng không được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Anh Võ Tấn N và Chị Nguyễn Thị Th mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh N và chị Th thống nhất có 01 con chung Võ Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 30/9/2018. Anh N, chị Th thỏa thuận giao con Võ Nguyễn Ngọc Ch cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 30/9/2018 cho chị Th mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Võ Tấn N và Chị Nguyễn Thị Th thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Võ Tấn N và Chị Nguyễn Thị Th thống nhất có 01 con chung Võ Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 30/9/20218. Giao cháu Võ Nguyễn Ngọc Ch cho Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nguyễn Ngọc Ch, sinh ngày 30/9/2018 cho chị Th mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi.

Anh Võ Tấn N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có.

1.4. *Về lệ phí Tòa án*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Anh Võ Tấn N và Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh N, chị Th đã nộp tạm ứng lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0003791, ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Chánh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Võ Đình Chung**